

SO SÁNH MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VỚI THÁI LAN VÀ PHILIPPINES

NGUYỄN THỊ THANH LAM*
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**
ĐỖ THỊ THANH TÂM***

Tóm tắt: Bài viết so sánh môi trường đầu tư quốc tế tại Việt Nam với hai nước có nhiều nét tương đồng khác trong khu vực là Thái Lan và Philippines, từ đó chỉ ra ưu điểm cũng như hạn chế còn tồn tại của môi trường đầu tư Việt Nam so với hai nước còn lại. Để làm rõ được sự khác nhau này, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh dựa trên các tiêu chí về chính trị, địa kinh tế, kinh tế, cho thấy rằng Việt Nam là quốc gia có môi trường chính trị ổn định, hệ thống luật pháp liên tục được cải thiện. Quy mô nền kinh tế cùng với cơ sở hạ tầng đang có sự tăng trưởng nhưng chưa thể phát huy được hết tiềm năng nội tại và vì thế Việt Nam có thể học hỏi những kinh nghiệm từ Thái Lan và Philippines.

Từ khóa: môi trường đầu tư, chính trị, địa kinh tế, kinh tế, Việt Nam, Thái Lan, Philippines.

Mở đầu

Khu vực ASEAN đang trở thành một thị trường thu hút một lượng lớn nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nhất là sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, 2009, khi các quốc gia phát triển dần có xu thế dịch chuyển dòng vốn trên thế giới⁽¹⁾. Về phía mình, Việt Nam được xếp hạng cao về hiệu quả kinh tế tại Đông Nam Á. Dựa trên chỉ số xếp hạng môi trường kinh

doanh, Việt Nam xếp thứ 70/190 nền kinh tế và xếp thứ 5 tại khu vực ASEAN trong năm 2020 dù phải đối mặt với đại dịch COVID-19⁽²⁾. Ngoài ra, dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam có xu hướng gia tăng mạnh. Theo số liệu của Tổng Cục đầu tư nước ngoài, tổng vốn đăng ký FDI đã tăng từ 19,89 tỷ USD năm 2010 lên 38,95 tỷ USD vào năm 2019, tức dòng vốn FDI đã tăng gần 95,83%. Tuy nhiên, quá trình thu hút

* Ths. Nguyễn Thị Thanh Lam, ** Nguyễn Thị Phương, *** Đỗ Thị Thanh Tâm, Học viện Ngoại giao

bãi biển, vườn nhà. Hình thức tổ chức tiệc cưới này mang lại khung cảnh gần gũi với thiên nhiên và không khí lãng mạn nên thơ của buổi hôn lễ. Tuy nhiên tiệc cưới ngoài trời lại gặp sự bất lợi về thời tiết.

Sự giao lưu tiếp xúc văn hóa cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến những biến đổi và quan niệm về trang phục cưới. Trang phục cưới cũng biến đổi theo thời gian, phong phú và đa dạng hơn. Nếu như trước kia trang phục cưới truyền thống chủ yếu là màu vàng hoặc trắng thì ngày nay bộ trang phục dành cho ngày lễ trọng đại này được làm bằng vải tơ tằm mỏng nhẹ với nhiều màu tươi sáng như xanh pastel, hồng... Đến lúc ăn tiệc cưới, cô dâu chú rể có thể đổi trang phục truyền thống thành trang phục theo phong cách phương tây có nghĩa là chú rể mặc vest còn cô dâu mặc váy cưới cho thuận tiện tiếp khách. Ngày nay, trong nhiều lễ đính hôn thì cô dâu và chú rể còn quy định cả về nhóm màu sắc hay còn gọi là “dresscode” dành cho quan khách đến dự lễ cưới để có sự đồng bộ trong quy tắc ăn mặc và màu sắc cũng như là theo đúng chủ đề của lễ đính hôn mà cô dâu chú rể đã lên ý tưởng.

Như vậy, xu thế biến đổi của một số nghi lễ của cưới hỏi đã được rút gọn và giản lược đi nhiều nhưng những giá trị cốt lõi vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

Kết luận:

Cưới hỏi là bước ngoặt trong cuộc đời của mỗi con người. Nghi lễ cưới hỏi được diễn ra dưới sự chứng kiến của các nhà sư, gia đình, dòng họ, bạn bè và được thực hiện tuần tự từng bước. Do đó, nghiên cứu về nghi lễ cưới hỏi truyền thống để hiểu rõ hơn về cách tổ chức và tiến hành của một đám cưới truyền thống và đặc biệt những nghi lễ này góp phần tạo nên bản sắc văn

hóa rất riêng. Trong bối cảnh sống hiện nay có nhiều tác động, nhận thức của con người cũng có sự đổi thay nên làm cho các quan niệm, phong tục, nghi lễ cưới hỏi có biến đổi, tuy nhiên đây là sự biến đổi có chọn lọc nên vẫn giữ được những giá trị truyền thống của người Thái ở Thái Lan./.

CHÚ THÍCH

1. Jam Ruanghiran (2021), *Truyền thống đám cưới, Phòng văn hóa tỉnh Phatthalung*, xem thêm tại trang web: https://www.m-culture.go.th/phatthalung/ewt_news.php?nid=3312&filename=index, truy cập ngày 7/8/2022.
2. Mỗi tay trâu thường có từ 7-8 lá trâu, trong đám cưới người Thái kiêng dùng số lẻ nên mỗi tay trâu sẽ là 8 lá
3. Surachai Jiwcharoensakul (2013), *Khoa học và nghệ thuật ẩm thực Thái Lan: Di sản văn hóa thế giới*, Đại học Kasetsart, tr.17.
4. Nitya Bunsing (2003), *Văn hóa Thái Lan*, XNB Phát triển học thuật, Bangkok, tr.380.
5. Một loại vải có họa tiết như chiếc khăn rằn của Việt Nam.
6. Như là một loại vải lụa.
7. Vải để cúng tổ tiên.
8. Vải dâng cho các nhà sư.
9. Sathienkoset (2008), *Truyền thống đời người*, NXB Yam, Bangkok, tr.46.
10. Quan niệm của người Thái, thứ sáu đọc là “Suk” đồng âm với từ “Hạnh phúc”.
11. Quan niệm của người Thái, tháng 9 đọc là “cao” nghĩa là “tiến bộ”, “phát triển”.
12. Surachai Jiwcharoensakul (2013), *tlđđ*, tr.24.
13. “Krathong” là tên một loại đèn hoa đăng hình bông hoa sen.
14. Surachai Jiwcharoensakul (2013), *tlđđ*, tr.18.
15. Parinya Chancharoen (2015), *Thủ tục và cách thức tổ chức các nghi lễ truyền thống – Bảo tồn nghệ thuật và văn hóa*, Đại học Nakhon Sawan Rajabhat, tr15
16. Mong Kol là chiếc vòng được kết bằng chỉ và được các nhà sư trì chú từ trước khi đám cưới diễn ra.
17. Parinya Chancharoen (2015), *tlđđ*, tr11.

vốn đầu tư của Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn và một số chính sách đưa ra nhằm thu hút các nhà đầu tư còn nhiều điểm hạn chế. Trong khi đó, Thái Lan và Philippines là hai quốc gia cùng trong khu vực Đông Nam Á, có những điểm tương đồng về văn hóa, xã hội với Việt Nam đã có những chiến lược hiệu quả nhằm thu hút vốn đầu tư những năm gần đây.

Xuất phát từ việc nghiên cứu môi trường đầu tư tại ba quốc gia Việt Nam, Thái Lan và Philippines, bài viết tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi: “Môi trường đầu tư giữa ba quốc gia có điểm gì giống và khác nhau? Việt Nam có thể học hỏi được những kinh nghiệm nào từ hai quốc gia còn lại để cải thiện môi trường đầu tư?”. Từ kết quả này, nhóm nghiên cứu rút ra một số bài học và kiến nghị đối với Chính phủ và các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

1. Yếu tố chính trị

Về thể chế chính trị, ba quốc gia có thể chế nhà nước khác nhau. Với Việt Nam, chế độ chính trị ở đây là chế độ Xã hội Chủ

nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo. Tình hình chính trị - xã hội ở Việt Nam khá ổn định, ít xảy ra các cuộc bạo động quy mô lớn gây bất ổn cho đất nước. Do vậy, đây là một nhân tố giúp Việt Nam có thể thu hút đầu tư từ nước ngoài. Theo thống kê về chỉ số ổn định chính trị, Việt Nam luôn là một quốc gia có nền chính trị khá ổn định, ít rủi ro về bạo lực và luôn được xếp là một trong số những địa điểm đầu tư an toàn trên thế giới. Năm 2020, Việt Nam xếp hạng thứ 110/194 quốc gia trong khảo sát và xếp thứ 18/48 quốc gia tại khu vực châu Á với -0,07 điểm. (Xem Bảng 1)

Khác với Việt Nam, Thái Lan và Philippines đều có hệ thống đa đảng, Thái Lan theo chế độ Quân chủ lập hiến và Philippines theo chế độ Cộng hòa Tổng thống.

Thái Lan, kể từ những năm 2006 trở đi, đã chứng kiến nhiều sự bất ổn về mặt chính trị khi quân đội nước này đảo chính lật đổ chính phủ và đến năm 2014, quân đội hoàng gia tiếp tục phát động đảo chính. Kể từ sau đó, chỉ số chính trị tại

Bảng 1. Chỉ số ổn định chính trị của Việt Nam, Thái Lan và Philippines giai đoạn 2016 - 2020

Năm (194 nước)	Việt Nam		Thái Lan		Philippines	
	Số điểm	Xếp hạng	Số điểm	Xếp hạng	Số điểm	Xếp hạng
2020	-0,07	101	-0,62	142	-0,79	155
2019	0,03	94	-0,48	135	-0,92	160
2018	0,06	91	-0,8	155	-1,18	168
2017	0,20	82	-0,75	155	-1,19	171
2016	0,23	83	-0,99	165	-1,44	175

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của World Bank.

Thái Lan đã được cải thiện dần dần nhưng cho đến năm 2020 - 2021, các cuộc biểu tình tiếp tục nổ ra đòi cải cách chế độ quân chủ tại Thái Lan khi chính quyền tại đây thu tóm quyền lực và đặt ra nhiều cản trở đối với kinh tế trong nước. Vì vậy, chỉ số ổn định chính trị của Thái Lan sụt giảm từ -0,48 năm 2019 xuống còn -0,62 năm 2020, xếp hạng thứ 142 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong vòng hơn 20 năm qua, Philippines phải đối mặt với các cuộc khủng bố và nền an ninh hàng hải nước này cũng phải chống lại các thách thức liên quan đến tôn giáo⁽³⁾. Philippines tồn tại những nhóm tôn giáo cực đoan và đã thực hiện các cuộc khủng bố đẫm máu do nhiều nguyên nhân khác nhau (nghèo đói, phân biệt đối xử trong cơ hội công việc, thực hành tín ngưỡng,...). Trong ba quốc gia phân tích, Philippines là đất nước có nhiều nguy cơ về bất ổn chính trị nhất khi luôn xếp hạng thấp trong xếp hạng chỉ số ổn định chính trị. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tình hình chính trị tại Philippines cũng phần nào được cải thiện và xếp hạng của nước này liên tục gia tăng. Năm 2020, chỉ số ổn định chính trị của Philippines đạt -0,79 và xếp thứ 155 trên thế giới.

Như vậy, có thể thấy được rằng tình hình chính trị tại Việt Nam ổn định hơn so với tại Thái Lan và Philippines và do đó đây là một lợi thế mà Việt Nam có thể tận dụng để thu hút đầu tư quốc tế.

2. Yếu tố địa kinh tế

Việt Nam, Thái Lan và Philippines là

ba nước trong khu vực Đông Nam Á và không thể phủ nhận rằng đặc điểm địa kinh tế đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của các nước này.

Thứ nhất, xét trên khía cạnh vị trí địa lý, trong ba nước, Việt Nam là nước có lợi thế toàn diện nhất khi vừa có đường biên giới trên đất liền (dài 4.510 km) với Lào, Campuchia, Trung Quốc, vừa có đường bờ biển (dài 3.260 km) tạo thành thế ba mặt giáp biển. Như vậy, Việt Nam có thể dễ dàng lưu thông hàng hóa với thế giới, điển hình nhất là nơi trung chuyển hàng hóa giữa các nước ASEAN và Trung Quốc hay khu vực Đông Bắc Á. Với Thái Lan, mặc dù nằm sâu trong lục địa, nhưng nước này lại có dải đất phía nam tiếp giáp với lãnh thổ của Malaysia, cùng một vùng biển rộng lớn nên cũng có những lợi thế tương tự như Việt Nam. Bên cạnh đó, việc vận chuyển hàng hóa từ Thái Lan sang các nước châu Âu cũng dễ dàng hơn so với hai nước còn lại (thông thường, tàu từ Việt Nam và Philippines đi sang châu Âu phải đi qua eo biển Malacca của Singapore, còn Thái Lan thì không). Khác với Việt Nam và Thái Lan, Philippines là một quốc đảo nằm hoàn toàn tách biệt với khu vực lục địa. Hạn chế về thương mại quốc tế trên đường bộ nhưng bù lại Philippines lại nằm trên nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng (ví dụ tuyến châu Mỹ - Đông Nam Á), đây là nơi đi và đến của rất nhiều tàu thuyền từ các nước, mang lại nguồn lợi lớn cho ngành cảng biển của nước này.

Yếu tố địa kinh tế thứ hai là sự giàu có về tài nguyên, cũng có những ảnh hưởng

nhất định đến đặc điểm kinh tế của mỗi quốc gia. Tài nguyên thiên nhiên là sự tổng hợp của các yếu tố như địa hình, khí hậu và tài nguyên khoáng sản. Về đặc điểm này, cả ba nước Việt Nam, Thái Lan và Philippines đều mang rất nhiều lợi thế như địa hình đa dạng, tài nguyên khoáng sản phong phú với trữ lượng lớn. Nguồn tài nguyên này khi được khai thác sẽ cung cấp yếu tố đầu vào sản xuất, tạo điều kiện để phát triển các ngành công nghiệp như khai khoáng, năng lượng, cơ khí, xây dựng, chế biến và du lịch.

3. Yếu tố kinh tế

Thứ nhất về quy mô kinh tế, từ những số liệu về GDP của ba nước có thể thấy quy mô kinh tế của Việt Nam kém hơn so với hai nước còn lại, với GDP năm 2020 chỉ bằng 54% GDP của Thái Lan và 75% GDP của Philippines. Tuy nhiên, nền kinh tế

của Việt Nam lại cho thấy sự ổn định hơn khi liên tục tăng trưởng qua các năm. Năm 2020, GDP của Việt Nam đã tăng hơn hai lần so với năm 2010 và đạt 271,16 tỷ USD. Đây cũng là năm Việt Nam duy trì được sự tăng trưởng dương khi đại dịch COVID-19 bùng phát trên toàn thế giới trong khi nền kinh tế Thái Lan và Philippines chứng kiến sự tăng trưởng âm.

Trái lại, Thái Lan, tuy có quy mô kinh tế lớn hơn nhưng do ảnh hưởng từ cuộc đảo chính năm 2014, GDP của Thái Lan đã bị suy giảm từ 420,33 tỷ USD năm 2013 xuống còn 407,34 tỷ USD vào năm 2014. Sau những bất ổn về mặt chính trị, kinh tế Thái Lan đã phục hồi và tiếp tục phát triển nhưng những diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 đã khiến cho GDP của quốc gia này năm 2020 suy giảm 8,5% so với năm 2019.

Cũng giống với Việt Nam, GDP của

Bảng 2. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam, Thái Lan, Philippines trong giai đoạn 2010 - 2020

Đơn vị: tỷ USD

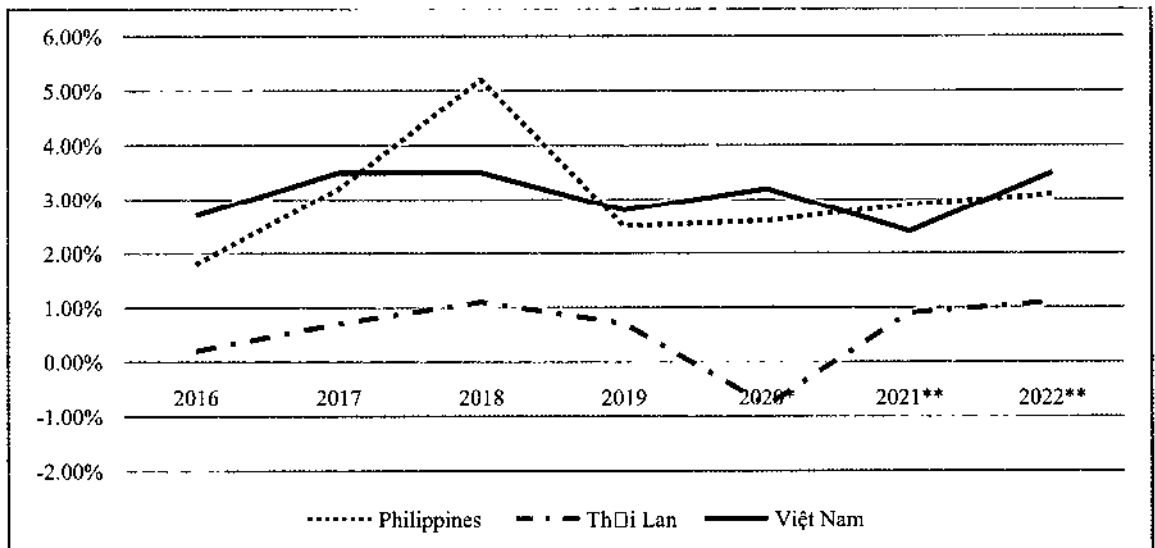
Năm	Việt Nam	Thái Lan	Philippines
2010	119,93	341,10	208,37
2011	135,54	370,82	234,22
2012	155,82	397,56	261,92
2013	171,22	420,33	283,90
2014	186,21	407,34	297,49
2015	193,24	401,29	306,45
2016	205,28	413,37	318,63
2017	223,78	456,38	328,49
2018	245,21	506,61	346,84
2019	261,92	544,26	376,86
2020	271,16	501,64	361,49

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của World Bank.

Philippines tăng liên tục qua các năm và đạt 376,86 tỷ USD vào năm 2019. Tuy nhiên, Philippines cũng chịu những ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh và quốc gia này đã chứng kiến sự tăng trưởng âm trong năm 2020, với giá trị GDP bằng 96% so với năm trước đó và có giá trị 361,49 tỷ USD. (Xem Bảng 2)

Về tỷ lệ lạm phát, Thái Lan là quốc gia có tỷ lệ lạm phát thấp nhất với tỷ lệ lạm phát các năm 2016 - 2022 trung bình là

0,56%. Cũng do những ảnh hưởng của dịch bệnh mà năm 2020, Thái Lan đã gặp phải suy thoái trong kinh tế, khiến tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn -0,8%. Trong khi đó, Việt Nam và Philippines có tỷ lệ lạm phát cao hơn và xấp xỉ nhau với tỷ lệ lạm phát trung bình trong các năm này lần lượt là 3,09% và 3,04%. Tỷ lệ lạm phát cao sẽ làm tăng chi phí vốn cho doanh nghiệp, đồng thời lạm phát cao đồng nghĩa với việc lãi suất danh nghĩa tăng, các doanh nghiệp phải trả nhiều tiền hơn cho các



Hình 1. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam, Thái Lan, Philippines giai đoạn 2016-2022⁽⁵⁾

Nguồn: Statista.

Bảng 3. Thứ tự xếp hạng một số chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng của Việt Nam, Thái Lan, Philippines theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2019⁽⁶⁾.

	Việt Nam	Thái Lan	Philippines
Cơ sở hạ tầng tổng thể	77	71	96
Quy mô hạ tầng giao thông	51	38	75
Chất lượng hạ tầng giao thông	88	63	90
Tỷ lệ dân số được sử dụng điện	84	2	103
Chất lượng nguồn điện	62	31	53
Tỷ lệ người trưởng thành sử dụng Internet	66	90	82

Nguồn: World Economic Forum 2019.

Bảng 4: So sánh hiệu quả của các bộ luật PPP tại Việt Nam, Thái Lan, Philippines

	Việt Nam	Thái Lan	Philippines
Quy trình đánh giá, thẩm định dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Trải qua 4 bước: đề xuất dự án, thẩm định dự án, quyết định dự án. - Đơn vị thực hiện + Đề xuất dự án: các bộ, ban, ngành hoặc là các doanh nghiệp tư nhân. + Thẩm định dự án: các cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm về dự án. + Quyết định dự án: Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ hoặc các cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh) tùy theo quy mô, mức độ quan trọng của dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trải qua bốn bước: lên kế hoạch dự án, thẩm định dự án và xác định các quy tắc, thi hành, nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án. - Đơn vị thực hiện + Lên kế hoạch dự án: các cơ quan ban ngành của nhà nước. + Thẩm định dự án: Ủy ban chính sách PPP. + Nghiên cứu khả thi: cơ quan trực tiếp thụ lý dự án. + Phê duyệt dự án: Ủy ban chính sách PPP và Nội các. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trải qua 4 bước: chuẩn bị dự án và lên kế hoạch tài chính, đánh giá tiền dự án, thẩm định dự án, phê duyệt dự án. - Đơn vị thực hiện + Chuẩn bị: các cấp chính quyền hoặc doanh nghiệp tư nhân. + Đánh giá tiền dự án: cơ quan thụ lý dự án. + Thẩm định: NEDA (cơ quan kinh tế và phát triển quốc gia), DOF (Sở Tài chính) và các cơ quan liên quan khác. + Phê duyệt: Nội các ICC (Ủy ban hợp tác đầu tư) và NEDA.
Sự minh bạch thông tin	<ul style="list-style-type: none"> + Nguyên tắc trong bộ luật PPP: bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, bền vững, hiệu quả + Các thông tin về quyết định, nội dung, kinh phí của dự án được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Bộ kế hoạch và Đầu tư) + Các thông tin công khai chủ yếu là kế hoạch ban đầu và nhà đầu tư. Thông tin về tiến trình thực hiện chỉ được báo cáo cho các cơ quan nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nguyên tắc: Đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình chuẩn bị và vận hành dự án cùng các quá trình ra quyết định liên quan khác - Thông tin về các dự án được phê chuẩn được công bố trên mạng lưới thông tin của SEPO (Văn phòng Chính sách về Doanh nghiệp Nhà nước). + Có thể tiếp cận các thông tin về tiến trình thực hiện dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu về tính minh bạch trong các dự án cơ sở hạ tầng được nâng lên trong Sắc lệnh số 2 (2016) của Tổng thống Philippines Duterte. + Phát triển nền tảng "Tự do hóa thông tin điện tử" trên không gian số, nơi người dân có thể đề nghị cung cấp thông tin về chính phủ, trong đó có các dự án cơ sở hạ tầng, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan chính phủ.
Điều kiện hấp dẫn cho các nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật. - Được hưởng các quyền bảo đảm như quyền tiếp cận đất, sử dụng tài sản công và công trình phụ trợ khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đề cập đến các ưu đãi với các nhà đầu tư trong bộ luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi nhiều loại thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp (đặc biệt là các dự án có vị thế tiên phong, trong khu vực kém phát triển hay dự án mở rộng, hiện đại hóa); thuế xuất khẩu; thuế với giống và vật liệu di truyền và được miễn phí cầu cảng,...
Quy định về giám sát quá trình công trình	<ul style="list-style-type: none"> + Các nhà đầu tư có trách nhiệm quản lý, giám sát tiến độ xây dựng, chất lượng của công trình. 	<ul style="list-style-type: none"> + Công trình PPP được giám sát bởi một hội đồng giám sát bao gồm các thành viên của các bộ ngành liên quan đến dự án nhưng không bao gồm cơ quan thụ lý dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> + Quy định rõ ràng các cơ quan chính quyền sẽ giám sát, đánh giá quá trình xây dựng, vận hành, bảo dưỡng công trình.

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

khoản vay. Vì vậy, tỷ lệ lạm phát cao có thể khiến cho đầu tư bị hạn chế⁽⁴⁾. Thái Lan với lợi thế lạm phát thấp hơn sẽ được các nhà đầu tư nước ngoài ưu tiên hơn so với Việt Nam và Philippines. (Xem Hình 1 và Bảng 3)

Như vậy, có thể thấy rằng ở hầu hết các chỉ tiêu, Thái Lan là nước có xếp hạng cao nhất; đứng thứ hai là Việt Nam và cuối cùng là Philippines. Mặt khác, Việt Nam có điểm sáng trong lĩnh vực độ bao phủ Internet với tỷ lệ người trưởng thành sử dụng Internet cao nhất.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của hệ thống cơ sở hạ tầng để thu hút nguồn vốn FDI và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cả ba nước Việt Nam, Thái Lan và Philippines đều đã và đang có những chiến lược quốc gia, tập trung lượng lớn ngân sách vào lĩnh vực này. Ví dụ, trong năm 2021, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt một loạt quy hoạch phát triển hạ tầng giao thông, như mạng lưới đường bộ, đường sắt, cảng biển, đường nội thủy trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong khi đó, Thái Lan lại đang tập trung vào phát triển môi trường số hóa và thành phố thông minh, điển hình là dự án Hành lang Kinh tế Phía đông (EEC) được cung cấp các tiện ích hiện đại nhất và được kỳ vọng trở thành khu kinh tế hàng đầu Đông Nam Á⁽⁷⁾. Năm 2017, Philippines cũng đã giới thiệu kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng lớn nhất lịch sử có tên là “Build Build Build” (BBB), bao gồm khoảng 20.000 dự án trên toàn quốc⁽⁸⁾.

Mặc dù đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng như vậy nhưng khó khăn chung của các quốc gia vẫn là vấn đề tài chính. Theo báo cáo về Đầu tư của khu vực tư nhân vào cơ sở hạ tầng nửa đầu năm 2021 của World Bank (PPI), khu vực Đông Á Thái Bình Dương (bao gồm 3 nước Việt Nam, Thái Lan, Philippines) đóng góp của khu vực tư nhân chỉ chiếm 28%, phần còn lại là ngân sách nhà nước, vốn ODA và vốn vay. Điều này đã tạo gánh nặng không nhỏ đối với ngân sách của các Chính phủ.

Như vậy, yêu cầu đặt ra hiện nay là cần thu hút nhiều hơn nữa sự tham gia của các doanh nghiệp, nhà đầu tư tư nhân vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng. Trong đó, một trong những cách thức phổ biến và quan trọng là Đối tác Công - Tư (PPP)⁽⁹⁾. Đây còn là một hình thức triển khai phù hợp với các dự án quan trọng của quốc gia, cần nguồn vốn dồi dào từ khu vực tư nhân nhưng vẫn không thể thiếu sự điều hành, quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên, việc thu hút các nhà đầu tư tư nhân vào các dự án đầu tư công không hề đơn giản bởi vì các dự án thường kéo dài trong nhiều năm, thời gian thu hồi vốn dài nên rủi ro rất lớn. Thêm vào đó, các nhà thầu dự án còn gặp một số vướng mắc về thủ tục pháp lý, cơ chế quản lý của Chính phủ..

Điều đầu tiên để các Chính phủ tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư tư nhân là xây dựng một khung pháp lý hoàn thiện, rõ ràng, linh hoạt, thông thoáng nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ. Thông thường, có bốn tiêu chí mà các nhà đầu tư quan tâm trong các khung pháp lý về PPP đó là:

Bảng 5: Báo cáo sự phát triển cơ sở hạ tầng tiêu chuẩn của Việt Nam, Thái Lan, Philippines

	Chuẩn bị dự án (/100)	Kêu gọi nhà đầu tư (/100)	Quản lý dự án (/100)	Chính sách với các dự án do nhà đầu tư tư nhân đề xuất (/100)
Việt Nam	70	78	70	50
Philippines	79	58	94	75
Thái Lan	35	38	64	Không được quy định hoặc không xảy ra trong thực tế.

Nguồn: World Bank's benchmarking infrastructure development report

quy trình đánh giá, thẩm định dự án; quy trình giám sát dự án, sự minh bạch hóa thông tin và các điều kiện ưu đãi dành cho các nhà đầu tư.

Từ cơ sở trên, nhóm tác giả đưa ra một vài so sánh về sự hiệu quả của các bộ luật PPP hiện hành tại ba nước Việt Nam, Philippines và Thái Lan, bao gồm luật PPP sửa đổi của Việt Nam (2020), đạo luật RA 7718 của Philippines (1994) và đạo luật B.E.2562 của Thái Lan (2019). (Xem Bảng 4)

Bảng 4 cho thấy cơ chế thu hút và quản lý hình thức đầu tư PPP có sự khác biệt tương đối giữa các quốc gia. Ở Việt Nam có sự phân cấp phân quyền khá rõ giữa các bộ, ngành, cơ quan ở trung ương và các cấp ở địa phương; trong khi ở hai nước còn lại có sự tập trung hơn về các cơ quan trung ương. Bên cạnh đó, Philippines có những cơ chế đảm bảo sự minh bạch thông tin cao nhất so với hai nước còn lại cũng như có những điều kiện ưu đãi rõ ràng hơn cho các nhà đầu tư tư nhân.

Một đánh giá đầy đủ, toàn diện và rõ ràng hơn về việc tổ chức các dự án đối tác công tư PPP là Báo cáo về sự phát triển cơ sở hạ tầng tiêu chuẩn (World Bank's benchmarking infrastructure development

report) được đưa ra bởi Ngân hàng Thế giới. Trong đó, việc đánh giá dựa theo bốn tiêu chuẩn lớn là quá trình chuẩn bị dự án, quá trình kêu gọi nhà đầu tư, quá trình quản lý thực thi dự án và chính sách đối với các dự án do nhà đầu tư tư nhân đề xuất, với rất nhiều tiêu chí cụ thể, chi tiết. Điểm số của ba nước Việt Nam, Philippines, Thái Lan như sau: (Xem Bảng 5)

Xét trên 4 tiêu chí thì Philippines có điểm số cao nhất, tiếp sau đó là Việt Nam và cuối cùng là Thái Lan. Đối với Việt Nam, điểm số về quá trình chuẩn bị, lựa chọn nhà đầu tư, quản lý dự án khá đồng đều, nhưng số điểm chính sách đối với các dự án từ khu vực tư nhân còn thấp. Như vậy, Việt Nam còn có nhiều điều có thể cải thiện và học hỏi từ nước bạn Philippines, như yêu cầu về sự minh bạch hóa thông tin, quá trình giám sát công trình hay cơ chế thông thoáng hơn cho các dự án đề xuất của các doanh nghiệp tư nhân.

Kết luận

Tóm lại, bài nghiên cứu đã đưa ra được các yếu tố so sánh cơ bản về môi trường đầu tư quốc tế ở Việt Nam so với hai nước Thái Lan và Philippines. Nhìn chung cả

ba nước đều đang nỗ lực tập trung phát triển nhằm thu hút đầu tư quốc tế. Trong đó Thái Lan tương đối nổi bật với nhiều ưu thế về cơ sở hạ tầng, hệ thống luật pháp, trình độ kinh tế, cũng như những nỗ lực phát huy lợi thế vị trí địa lý. Tuy nhiên, nền chính trị bất ổn cũng khiến quyết định đầu tư vào Thái Lan bị ảnh hưởng đáng kể. Philippines cũng có lợi thế về quy mô kinh tế so với Việt Nam cùng với những thuận lợi về vị trí địa lý cũng như tài nguyên thiên nhiên nhưng cũng giống Thái Lan, tình hình chính trị - xã hội kém ổn định vẫn là một yếu tố cản trở đầu tư từ nước ngoài.

Như vậy, khi so sánh môi trường đầu tư của hai nước trên với Việt Nam, Việt Nam có lợi thế về môi trường chính trị ổn định, điều kiện địa kinh tế thuận lợi trên cả đất liền và đường biển đã giúp Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh trong việc thu hút các nhà đầu tư. Việt Nam còn nhiều tiềm năng để phát triển môi trường đầu tư quốc tế trong tương lai và do đó, Việt Nam cần có các chính sách để tận dụng và phát huy các lợi thế sẵn có, cải thiện môi trường đầu tư quốc tế ngày một thuận lợi hơn. *Thứ nhất*, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng. Hiện nay, hạ tầng cơ sở của Việt Nam còn lạc hậu so với các nước trong khu vực và thế giới, chưa phát huy được hết tiềm năng vốn có của mình. Hạ tầng kém sẽ làm gia tăng chi phí kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài và đồng thời làm kìm hãm sự phát triển của nhiều lĩnh vực khác. Trong khi đó, đẩy mạnh thu hút

nguồn vốn tư nhân thông qua các hình thức như đối tác công tư, liên doanh là giải pháp khả thi nhất cho vấn đề hạn chế về ngân sách chính phủ và không thể đáp ứng đủ nhu cầu về cơ sở hạ tầng. Do đó, bên cạnh việc xây dựng khung pháp lý và các kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng thì cần chú trọng hơn vào quá trình triển khai các chính sách, các dự án, đặc biệt là các công trình có sự kết hợp giữa nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn tư nhân. Các cơ quan chính quyền cần thường xuyên giám sát, cập nhật thông tin và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tránh để dự án bị chậm tiến độ trong thời gian dài, hay chất lượng khác với cam kết ban đầu, gây ra những tổn thất rất lớn cho xã hội. *Thứ hai*, Việt Nam cần tiếp tục giữ vững thể chế chính trị ổn định, đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn và hiệu quả cho nhà đầu tư, đi kèm với đó là phát triển kinh tế khi vẫn giữ được sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô. Việt Nam vẫn luôn giữ vững được môi trường chính trị thuận lợi cho nhà đầu tư và được đánh giá cao bởi khả năng chống chịu với đại dịch trong năm 2020. Đây là một lợi thế mà Việt Nam có thể tiếp tục tận dụng để trở thành một địa điểm đầu tư hấp dẫn với các nhà đầu tư quốc tế./.

CHÚ THÍCH

1. Iwan J. Azis (2018), "ASEAN Economic Integration. Quo Vadis?", *Journal of Southeast*

- Asian Economies*, Vol. 35, No. 1, pp.2-12.
- World Bank (2013), *Economy Profile of Vietnam. Doing Business 2020 Indicators*.
 - Đỗ Lan Hiền (2020), Philippines và vấn đề an ninh tôn giáo, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 06/2020, pp.113-120.
 - Jakob B. Madsen (2003), *Inflation and Investment*, Vol. 50, No. 4, pp 375–397.
 - (*): ước tính vào ngày 9/3/2021; (**): dự báo từ ngày 9/3/2021.
 - Số liệu đã được tính trung bình từ xếp hạng của các chỉ tiêu cụ thể trong Báo cáo.
 - Thailand Board of Investment (2021), “Why invest in Thailand”, https://www.boi.go.th/index.php?page=thailand_advantages, truy cập ngày 18/02/2022.
 - Lam Vy (2021), “Hệ quả từ chênh lệch trong đầu tư cơ sở hạ tầng tại Đông Nam Á”, <https://cafe-land.vn/tin-tuc/he-qua-tu-chenh-lech-trong-dau-tu-co-so-ha-tang-tai-dong-nam-a-96576.html>, truy cập ngày 17/02/2022.
 - Đối tác Công - Tư (PPP) là phương thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp tác có thời hạn giữa nhà nước và nhà đầu tư tư nhân thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP (theo Luật Đầu tư theo phương thức Đối tác Công - Tư năm 2020).
 - Hà Thị Thúy Vân và Vũ Thị Kim Anh (2017), “International Experience and Lesson for Vietnam: Raising Capital for Investment in Infrastructure Development in International Integration”, *Scienu Press*, Vol. 6, No. 4, tháng 9, pp. 155-163.
 - Jakob B. Madsen (2003), *Inflation and Investment*, Vol. 50, No. 4, pp 375–397.
 - Lam Vy (2021), “Hệ quả từ chênh lệch trong đầu tư cơ sở hạ tầng tại Đông Nam Á”, <https://cafe-land.vn/tin-tuc/he-qua-tu-chenh-lech-trong-dau-tu-co-so-ha-tang-tai-dong-nam-a-96576.html>, truy cập ngày 17/02/2022.
 - Nguyễn Thị Thu Hương (2019), “Thực trạng và các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải*, Số 60, 11/2019, pp.86-91.
 - Ongkittikul, S. (2014), *Thailand Country Report*, in Zen, F. and M. Regan (eds.), *Financing ASEAN Connectivity*, ERIA Research Project Report FY2013, No.15.Jakarta: ERIA, pp.355-400.
 - Quốc Hội Việt Nam (2020), *Luật Đầu tư theo phương thức Đối tác công tư*, số 64/2020/QH14, Quốc Hội Việt Nam, Hà Nội.
 - Ronald U. Mendoza, Jerome Patrick Cruz (2020), “Governing the “Golden Age of Infrastructure”: Assessing Transparency Innovations in Philippine Infrastructure Development”, *Asian Politics and Policy*, Vol 0, No 0, tháng, pp. 1-30.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Asian Development Bank (2022), *Value for money in public-private partnerships, an infrastructure governance approach*, Stock No.TCS220103, Manila.
- Congress of the Philippines (1994), *Republic Act No. 7718 The Philippines BOT Law*, Congress of the Philippines, Manila.
- Cuenca, Janet S (2021), *Review of the “Build, Build, Build” program: Implication on the Philippines Development Plan 2017-2022*, Philippines Institute for Development Studies (PIDS), Quezon City.
- Duong Thi Nhi (2014), *Vietnam Country Report*, trong sách Zen, F. and M. Regan (eds.).
- Đỗ Lan Hiền, (2020), “Philippines và vấn đề an ninh tôn giáo”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 06/2020, pp.113-120.
- Financing ASEAN Connectivity*, ERIA Research Project Report FY2013, No.15.Jakarta: ERIA, pp.401-429.